



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025**  
*ANNUAL REPORT 2025*

**CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
S.P.M**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN  
S.P.M  
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Quận  
Bình Tân, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN  
S.P.M,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:  
0302271207  
Reason: I am the author of this document  
Location: your signing location here  
Date: 2026-04-08 14:23:20  
Foxit Reader Version: 10.0.1



**Thông tin chung**  
*General information*  
**(5-14)**

---

Khái quát về công ty  
*General information*

---

Quá trình hình thành và phát triển  
*Establishment and development process*

---

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
*Business lines and locations of the business*

---

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý  
*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

---

Định hướng phát triển  
*Development orientations*

---

Các rủi ro  
*Risks*

---

---

**Tình hình hoạt động trong năm**  
*Operations in the Year*  
**(15-29)**

Tình hình sản xuất kinh doanh  
*Situation of production and business operations*

---

Tổ chức và nhân sự  
*Organization and Human resource*

---

Tình hình các dự án đầu tư  
*Investment activities, project implementation*

---

Tình hình tài chính  
*Financial situation*

---

Thông tin về cổ đông, sự thay đổi vốn chủ sở hữu  
*Shareholders structure, change in the owner's equity*

---

Báo cáo tác động đến môi trường, xã hội  
*Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

---

---

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh  
*Assessment of operating results*

---

**Báo cáo của  
Ban TGD**

Tình hình tài chính  
*Financial Situation*

---

***Reports and  
assessments  
of the Board  
of  
Management  
(30-39)***

Những cải tiến về tổ chức, chính sách  
*Improvements in organizational structure, policies, and  
management*

---

Kế hoạch phát triển  
*Development plans in future*

---

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường , xã  
hội *Assessment Report related to environmental and  
social responsibilities of the Company*

---

---

**Đánh giá  
của HĐQT  
về các mặt  
hoạt động  
của Công ty**

Đánh giá về hoạt động công ty  
*Assessments of the Board of Directors on the  
Company's operation*

---

***Assessments  
of the BOD  
the  
Company's  
operation  
(40-42)***

Đánh giá đối với hoạt động điều hành của Ban TGD  
*Assessment of Board of Directors on Board of  
Management's performance*

---

Những kế hoạch và định hướng của HĐQT  
*Plans and orientations of the Board of Directors*

---

---

<b>Quản trị công ty</b> <i>Corporate governance</i>  (43-50)	Hội đồng quản trị <i>Board of Directors</i>
	Ban kiểm soát <i>Board of Supervisors</i>
	Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của thành viên <i>HDQT / Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/Audit Committee</i>

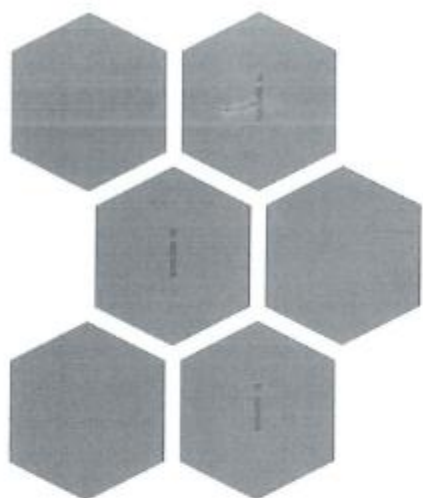
---

<b>Báo cáo tài chính</b> <i>Financial statements</i>  (51-68)	Báo cáo của ban giám đốc <i>Auditor's opinions</i>
	Báo cáo kiểm toán độc lập <i>Audited financial statements</i>
	Phụ lục báo cáo tài chính đã kiểm toán <i>Appendix of the Audited Financial Report</i>

---

**Viết tắt/Abbreviation:**

HDQT/BOD	: Hội đồng quản trị/Board of Directors
TGD/CEO	: Tổng giám đốc/Chief Executive Officer
Công ty	: Công ty cổ phần S.P.M
HOSE	: Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM/Ho Chi Minh City Stock Exchange
DEPT	: DEPARTMENT



## I. THÔNG TIN CHUNG

*General information*

**Thông tin khái quát**

*General information*

**Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

*Business lines and locations of the business*

**Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

**Định hướng phát triển**

*Development orientations*

**Rủi ro**

*Risks*

## Thông tin khái quát / *General information*

Tên giao dịch / <i>Trading name</i>	: Công ty Cổ phần S.P.M
Tên viết tắt / <i>Abbreviation</i>	: S.P.M CORP
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp <i>Business Registration Certificate No</i>	: 0302271207
Vốn điều lệ <i>Charter capital (31/12/2025)</i>	: 140.000.000.000 Đồng/VND
Vốn chủ sở hữu <i>Owner's capital (31/12/2025)</i>	: 795.172.979.210 Đồng/VND
Địa chỉ / <i>Address</i>	: Lô số 51 – 53 Khu công nghiệp Tân Tạo Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam <i>Lot 51–53, Tan Tao Industrial Park, Street No. 2, Tan Tao Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam</i>
Số điện thoại / <i>Telephone</i>	: +(84) 028 3862 3747
Fax	: +(84) 028 3862 3748
Website	: <a href="http://www.spm.com.vn">www.spm.com.vn</a>
Mã cổ phiếu / <i>Securities code</i>	: SPM ( <i>niêm yết tại / listed at HOSE</i> )

## Quá trình hình thành và phát triển / *Establishment and development process*

2001

- Công ty TNHH S.P.M thành lập ngày 26/03/2001 với vốn điều lệ 20 tỷ đồng. Tiền thân là Công ty Dược phẩm Đô Thành hoạt động với tư cách là một nhà phân phối dược phẩm trực thuộc Tendipharco (Công ty Dược Quận 10) được thành lập năm 1988. Năm 1995, thành lập Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành (Saigon Pharma).
- *S.P.M Co., Ltd. was established on March 26, 2001, with a charter capital of 20 billion VND. Its predecessor was Do Thanh Pharmaceutical Company, which operated as a pharmaceutical distributor under Tendipharco (District 10 Pharmaceutical Company), founded in 1988. In 1995, Do Thanh Pharmaceutical Co., Ltd. (Saigon Pharma) was established.*

2007

- Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần SPM ngày 12/02/2007, đồng thời tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng.
- *Converted into SPM Joint Stock Company on February 12, 2007, while increasing the charter capital to 100 billion VND*

2009

- Đưa vào vận hành sản xuất nhà máy mới với tổng chi phí đầu tư trị giá 180 tỷ đồng.
- *Put a new manufacturing plant into operation with a total investment cost of 180 billion VND*

2010

- Tăng vốn điều lệ lên 140 tỷ đồng và niêm yết trên thị trường chứng khoán (sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM).
- *Increased charter capital to 140 billion VND and listed on the stock market (Ho Chi Minh City Stock Exchange).*

2011-2013-  
Hiện nay

- Công ty mở rộng sản xuất từ tân dược sang các nhóm thực phẩm chức năng, đa dạng hóa sản phẩm. Xây dựng và mở rộng nhà máy với khả năng sản xuất thuốc tiêm. Sau đó là khoản thời gian ổn định phát triển thị trường, sản phẩm mới.
- *The company expanded production from pharmaceuticals to functional food products, diversifying its product range. It built and expanded a plant with the capacity to produce injectable drugs. After that is a period of stable market and new product development.*

## Ngành nghề và địa bàn kinh doanh / *Business lines and locations of the business*

---

<b>Ngành nghề kinh doanh chính</b> <i>Main Business Activities</i>	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu <i>Manufacturing of pharmaceuticals, chemicals, and medicinal materials</i>
	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng <i>Manufacturing of medical, dental, orthopedic, and rehabilitation equipment and instruments</i>
	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh <i>Manufacturing of cosmetics, soap, detergents, polishes, and cleaning products</i>
	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân loại <i>Other specialized wholesale trade not elsewhere classified</i>

---

<b>Địa bàn kinh doanh</b>	Phân phối toàn quốc thông qua các đại lý lớn, các đại lý bán lẻ. Trọng tâm là thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. <i>Nationwide distribution through major agents and retail dealers, with a focus on Ho Chi Minh City and Hanoi</i>
<b>Location of business</b>	Xuất khẩu sang các quốc gia Lào, Campuchia, Myanmar, Kenya, Mỹ, Yemen. <i>Exporting to Laos, Cambodia, Myanmar, Kenya, the United States, and Yemen.</i>

---

## Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý / *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

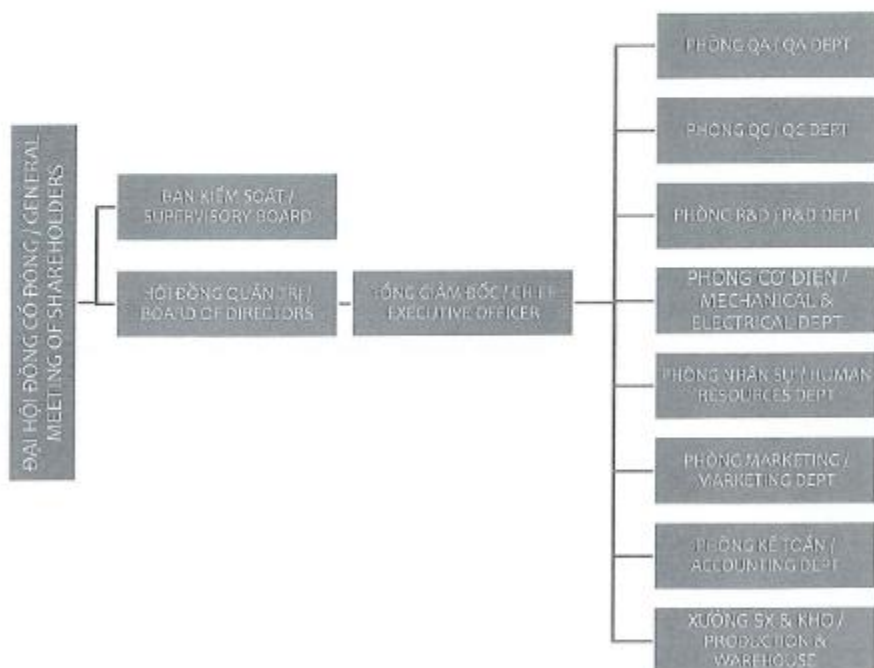
### Mô hình quản trị / *Governance model* :

Mô hình quản trị công ty bao gồm Đại hội Đồng cổ đông; Ban kiểm soát thuộc Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc.

*The company's governance model includes the General Meeting of Shareholders, the Supervisory Board under the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, and the Chief Executive Officer (CEO)*

### Cơ cấu bộ máy quản lý / *Management structure* :

*(Sơ đồ tổ chức Công ty Cổ phần S.P.M/ Organizational Chart of S.P.M Joint Stock Company)*



**Các công ty con, công ty liên kết / *Subsidiaries, associated companies* :**  
*không có (none).*

## Định hướng phát triển / *Development orientations*

Các mục tiêu chủ yếu / *Main objectives of the Company*

Đa dạng sản phẩm, vươn tới dẫn đầu thị trường Việt Nam về dược phẩm và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe.

*Diversify products, aiming to become a leader in the Vietnamese market for pharmaceuticals and healthcare products*

Tập trung vào 5 lĩnh vực chính sau: sản phẩm Đông dược, dạng bào chế mới, thực phẩm chức năng có công năng điều trị, tương đương sinh học và hoạt chất mới.

*Focus on the following five key areas: herbal medicine products, new dosage forms, functional foods with therapeutic effects, bioequivalence, and new active ingredients*

## Định hướng phát triển / Development orientations

Chiến lược trung  
và dài hạn /  
*Development  
strategies in  
medium and long  
term*

Về trung hạn: Nghiên cứu và nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường Việt Nam và quốc tế; cơ cấu danh mục sản phẩm, đẩy mạnh marketing nhằm hướng tới vị trí dẫn đầu thị trường dược phẩm.

*In the mid-term: Research and improve product quality to enhance competitiveness in both the Vietnamese and international markets; restructure the product portfolio and strengthen marketing efforts to aim for a leading position in the pharmaceutical market*

Về dài hạn: Định hướng sản phẩm chiến lược; tìm kiếm đối tác chiến lược nhằm mở rộng thị trường quốc tế. Các dự án phát triển nhân sự toàn diện sẽ được triển khai; các công nghệ quản lý hiện đại cũng sẽ được đầu tư và áp dụng thống nhất.

*In the long-term: Develop strategic product orientations and seek strategic partners to expand into international markets. Comprehensive human resource development projects will be implemented, and modern management technologies will be invested in and uniformly applied.*

## Định hướng phát triển / Development orientations

Các mục tiêu phát triển bền vững / Sustainable Development Goals

Công ty phát triển đảm bảo hài hòa các lợi ích. Các mục tiêu của công ty luôn gắn kết với sự phát triển ( hoặc phục vụ lợi ích ) cộng đồng. Công ty cũng đảm bảo môi trường lao động an toàn và thỏa mãn cao đối với người lao động; bên cạnh sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường được chú trọng hàng đầu.

*The company develops in a way that ensures a harmonious balance of interests. The company's objectives are always aligned with community development (or serving community interests). The company also ensures a safe and highly satisfying working environment for employees, while prioritizing resource conservation and environmental protection.*

## Rủ ro / Risks

---

Vĩ mô  
*Macro*

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự tác động bởi các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế (tình trạng suy thoái kinh tế toàn cầu). Để hạn chế rủi ro này, Ban giám đốc công ty luôn thận trọng và hoạch định chiến lược phát triển phù hợp cho hoạt động của công ty.

*The company's business operations are influenced by macroeconomic factors of the economy (such as the global economic downturn). To mitigate this risk, the company's management board always exercises caution and develops appropriate strategic plans for the company's operations.*

---

Kinh  
doanh  
*Business*

Bên cạnh việc hội nhập phát triển, hoạt động của công ty cũng chịu sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ cả trong nước và ngoài nước. Với số lượng cả ngàn Công ty dược phẩm cả nội địa và nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam hiện nay, Công ty luôn phải cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ đồng thời luôn cố gắng cập nhật giá cạnh tranh để giữ chân khách hàng truyền thống và phát triển thêm khách hàng mới.

*In addition to integration and development, the company's operations also face intense competition from both domestic and international competitors. With thousands of pharmaceutical companies, both local and foreign, currently operating in Vietnam, the company constantly strives to improve product and service quality while also working to maintain competitive pricing to retain existing customers and attract new ones.*

---

## Rủ ro / Risks

### Nguyên liệu

#### Materials

Nguyên vật liệu của Công ty đa số nhập khẩu. Do đó, những biến động về tỷ giá, xăng dầu, nguồn tài nguyên, thiên tai... đều làm tăng giá nhập nguyên vật liệu trong khi đó công ty không thể tăng giá bán sản phẩm. Điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

*The company's materials are mostly imported. Therefore, fluctuations in exchange rates, fuel prices, natural resources, and natural disasters all increase the cost of imported materials, while the company cannot raise product prices. This significantly affects the company's business performance.*

Để đảm bảo hoạt động sản xuất ổn định, công ty có kế hoạch cụ thể về sản xuất, dự trữ nguyên vật liệu cũng như chú trọng chất lượng bảo quản. Lập kế hoạch nhập khẩu ở thời điểm thích hợp; tham gia bảo hiểm từ bên thứ ba.

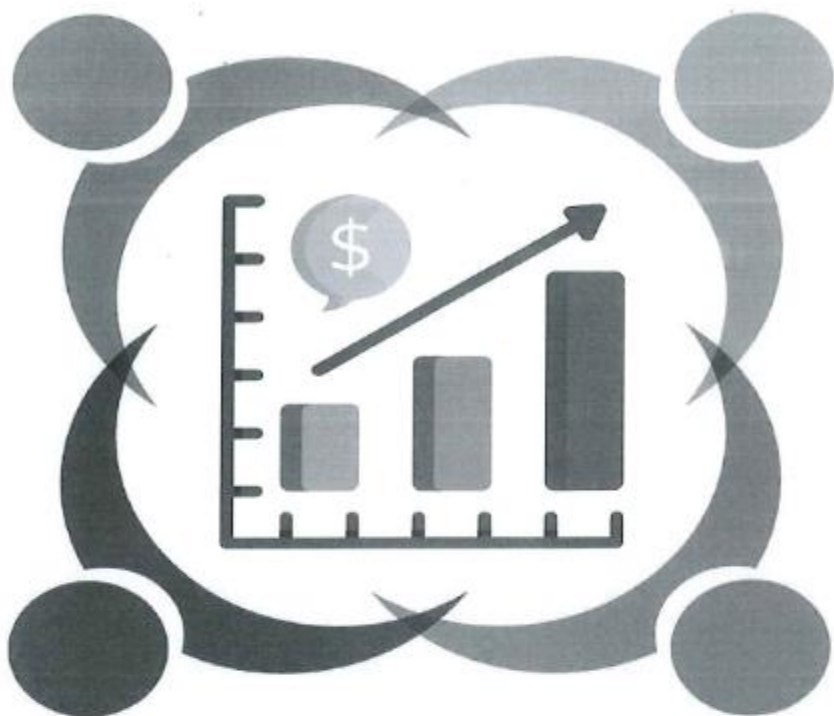
*To ensure stable production, the company has a specific plan for production, material reserves, and proper storage quality. It schedules imports at appropriate times and participates in third-party insurance.*

### Rủ ro khác

#### Other risks

Các rủi ro khách quan được hiểu như rủi ro bất khả kháng, Công ty có thể phòng ngừa hoặc tham gia các chương trình bảo hiểm nhằm hạn chế thấp nhất sự thất thoát tài sản.

*Objective risks are understood as force majeure risks. The company can take preventive measures or participate in insurance programs to minimize asset loss.*



## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

*Operations in  
the Year*

Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh  
*Situation of production and business  
operations*

Tổ chức và nhân sự  
*Organization and Human resource*

Tình hình đầu tư  
*Investment activities, project  
implementation*

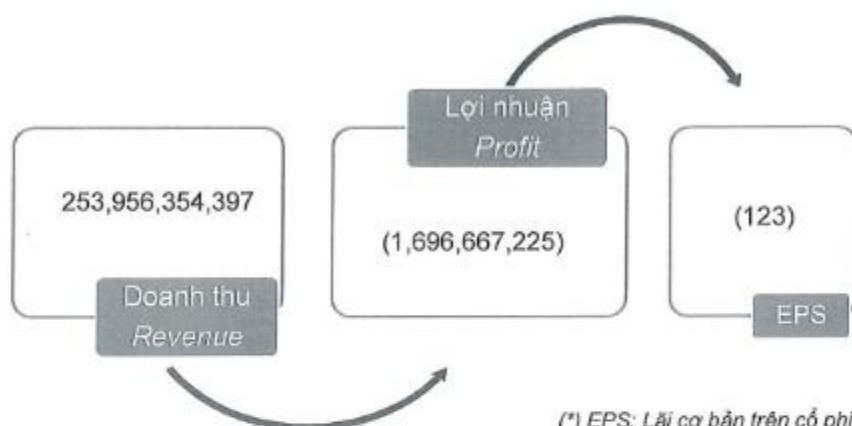
Tình hình tài chính  
*Financial situation*

Cơ cấu cổ đông  
*Shareholders structure*

Báo cáo tác động liên quan đến môi  
trường, xã hội  
*Environment-Social-Governance Report*

## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

### *Situation of production and business operations*



(\*) EPS: Lãi cơ bản trên cổ phiếu  
Earnings per share  
Đơn vị/Unit: đồng/VND

Đơn vị: tỷ đồng

Nội dung Content	Kế hoạch Plan	Kỳ trước Previous Period	Kỳ này Current Period	So với kế hoạch Compared to Plan	So với kỳ trước Compared to Previous Period
Doanh thu thuần Net Revenue	500.00	297.77	253.96	-49.2%	-14.7%
Lợi nhuận trước thuế Profit Before Tax (*)	26.00	4.14	(0.06)	lãi sang lỗ profit to loss	lãi sang lỗ profit to loss
Lợi nhuận sau thuế Profit After Tax (*)	20.00	4.61	(1.70)	lãi sang lỗ profit to loss	lãi sang lỗ profit to loss

(\*) Chỉ tiêu biến động từ lãi sang lỗ nên tỷ lệ phần trăm không phản ánh đầy đủ bản chất biến động.

(\*) The metric changed from profit to loss; therefore, the percentage change does not fully reflect the nature of the movement.

## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

### *Situation of production and business operations*

Kết quả kinh doanh kỳ này suy giảm đáng kể so với kỳ trước và không đạt kế hoạch đề ra, phản ánh tình hình hoạt động kém khả quan hơn dự kiến. Cụ thể, so với kế hoạch, doanh thu thuần chỉ đạt 253.96 tỷ đồng, giảm 49.2%, đồng thời giảm 14.7% so với kỳ trước. Lợi nhuận trước thuế ghi nhận mức lỗ nhẹ 0.06 tỷ đồng, chuyển từ trạng thái có lãi sang lỗ so với cả kế hoạch và kỳ trước. Tương tự, lợi nhuận sau thuế ghi nhận lỗ 1.70 tỷ đồng, cho thấy sự suy giảm mạnh khi chuyển từ lãi sang lỗ ở cả hai chỉ tiêu so sánh. Kết quả này cho thấy không chỉ doanh thu giảm mạnh mà hiệu quả sinh lời cũng bị ảnh hưởng đáng kể, phản ánh áp lực từ thị trường, chi phí gia tăng hoặc các yếu tố nội tại trong hoạt động kinh doanh của Công ty

*The business results for the current period declined significantly compared to the previous period and failed to meet the planned targets, reflecting a less favorable performance than expected. Specifically, compared to the plan, net revenue reached only VND 253.96 billion, down 49.2%, and decreased by 14.7% compared to the previous period. Profit before tax recorded a slight loss of VND 0.06 billion, turning from profit to loss against both the plan and the previous period. Similarly, profit after tax posted a loss of VND 1.70 billion, indicating a significant deterioration as it shifted from profit to loss under both comparison metrics. These results indicate that not only did revenue decline sharply, but profitability was also materially impacted, reflecting pressures from the market, rising costs, and internal operational factors of the Company.*

## Tổ chức và nhân sự / Organization and Human resource



### Nguyễn Thế Quyền

- Năm sinh/Date of Birth: 06/10/1989
- Trình độ chuyên môn/Professional Qualification: Dược sỹ/ Pharmacist
- Quá trình công tác / Work Experience:
  - 2012-2016: Nhân viên nghiên cứu/Research Staff
  - 2016-2022: Trưởng phòng nghiên cứu/Head of Research Department
  - 2022-nay / Present: Tổng giám đốc/General Director
- Sở hữu cổ phiếu / Voting Shares Owned: 0 (tại/at 31/12/2025)

### Nguyễn Thế Kỳ

- Năm sinh / Date of Birth: 15/06/1944
- Trình độ chuyên môn/Professional Qualification: Dược sỹ/ Pharmacist
- Quá trình công tác /Work Experience:
  - 2001 – 2022: Tổng giám đốc/ General Director
  - 2022-07/2025 present: Phó giám đốc/ Deputy Director
  - Thôi chức phó giám đốc từ 07/2025 / Resigned from the position of Deputy Director effective from July 2025
- Sở hữu cổ phiếu/ Voting Shares Owned: 30000; 0.21% (tại/at 31/12/2025)

## Tổ chức và nhân sự / *Organization and Human resource*

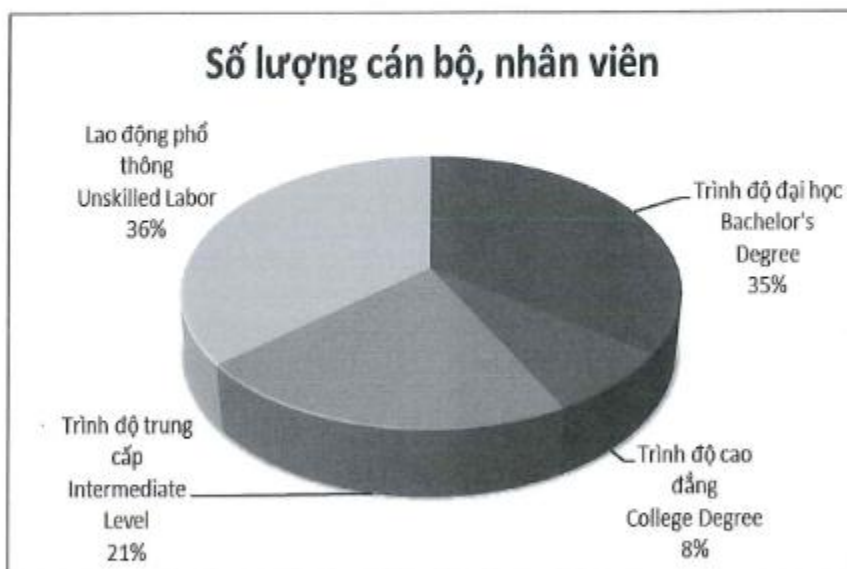
### Võ Thành Nhân

- Năm sinh / *Date of Birth*: 30/08/1982
- Trình độ chuyên môn/ *Professional Qualification* : Cử nhân kế toán / *Bachelor of Accounting*
- Quá trình công tác /*Work Experience* :
  - 2015-2021: Nhân viên kế toán/ *Accounting Staff*
  - 2021-nay/present: Trưởng phòng kế toán/ *Chief Accountant*
- Sở hữu cổ phiếu / *Voting Shares Owned*: 0 (tại/at 31/12/2025)

### Những thay đổi trong ban điều hành

- Từ tháng 7/2025 ông Nguyễn Thế Kỳ không còn là Phó giám đốc kỹ thuật của Công ty.
- *From July 2025, Mr. Nguyễn Thế Kỳ is no longer the Technical Deputy Director of the Company.*

Số lượng cán bộ, nhân viên <i>Classified by Qualification</i>	Số lượng <i>Number</i>	Tỷ trọng <i>Proportion</i>
Trình độ đại học <i>Bachelor's Degree</i>	66	35.11%
Trình độ cao đẳng <i>College Degree</i>	14	7.45%
Trình độ trung cấp <i>Intermediate Level</i>	40	21.28%
Lao động phổ thông <i>Unskilled Labor</i>	68	36.17%
<b>Tổng cộng</b> <b>Total</b>	<b>188</b>	<b>100.00%</b>



• Số liệu đến / Data as of: 31/12/2025

**Chính sách đối với người lao động / Policy for Employees**

- Chế độ làm việc:
  - Làm việc 5.5 ngày/tuần, riêng lao động trực tiếp sản xuất được nghỉ thêm 2 ngày thứ 7 trong tháng;
- Chế độ lương, thưởng:
  - Công ty áp dụng chế độ thu nhập dựa trên năng suất lao động để khuyến khích lao động lành nghề;
  - Được hưởng lương tháng 13 hàng năm, thưởng các ngày lễ, tết;
  - Phụ cấp nếu làm việc trong môi trường độc hại;
  - 100 % ký hợp đồng và tham gia đầy đủ bảo hiểm theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Chính sách đào tạo:
  - Thực hiện đào tạo theo chuyên đề hàng năm, bao gồm đào tạo nội bộ và thuê chuyên gia bên ngoài;

**Working Conditions:**

*Work 5.5 days/week; direct production workers are entitled to two additional Saturdays off per month.*

**Salary and Bonus Policy:**

*The company applies an income policy based on labor productivity to encourage skilled workers.*

*Entitled to a 13th-month salary annually and bonuses on holidays and New Year.*

*Allowances for working in hazardous environments.*

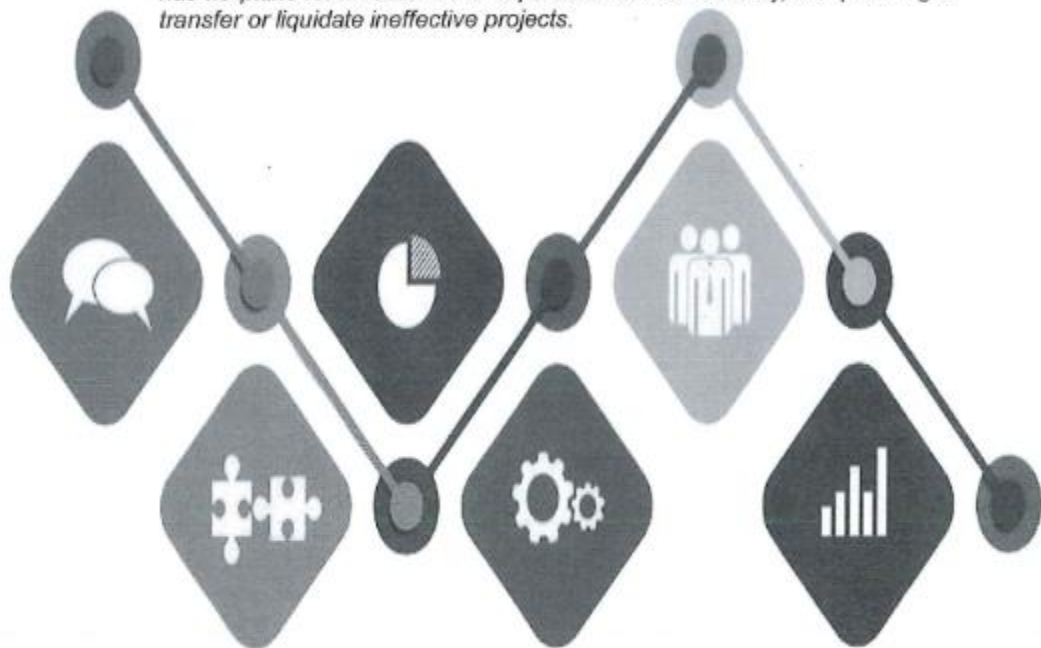
*100% of employees are contracted and fully enrolled in insurance as required by current regulations.*

**Training Policy:**

*Annual training programs based on specific topics, including internal training and external expert sessions.*

## Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án *Investment activities, project implementation*

- ❖ Do tình hình kinh doanh hiện đang giảm sút, hiện công ty không có kế hoạch đầu tư, mở rộng. Ngược lại đang có kế hoạch chuyển nhượng, xử lý các dự án không hiệu quả.
- ❖ *Due to the current decline in business performance, the company currently has no plans for investment or expansion. On the contrary, it is planning to transfer or liquidate ineffective projects.*



Công ty không có công ty con, công ty liên kết.  
*The company has no subsidiaries or affiliated companies.*

## Tình hình tài chính / *Financial situation*

### Tình hình tài chính / *Financial situation*

Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	Năm/Year 2024	Năm/Year 2025	Tăng/giảm <i>change</i>
	(đồng/VND)	(đồng/VND)	(%)
Tổng giá trị tài sản <i>Total asset</i>	1,008,845,782,073	930,989,541,442	-7.7%
Doanh thu thuần <i>Net revenue</i>	297,775,026,421	253,956,354,397	-14.7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh <i>Profit from business activities</i>	3,741,536,641	251,436,094	-93.3%
Lợi nhuận khác <i>Other profits</i>	401,515,070	(311,112,422)	(*)
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	4,143,051,711	(59,676,328)	(*)
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	4,618,205,118	(1,696,667,225)	(*)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức <i>Payout ratio</i>	149.08%	0%	

(\*) Chuyển từ lãi sang lỗ / *Changed from profit to loss.*

Tình hình kinh doanh của doanh nghiệp trong năm 2025 cho thấy dấu hiệu suy giảm rõ rệt, với doanh thu, lợi nhuận và quy mô tài sản đều giảm so với năm trước. Cụ thể, doanh thu thuần giảm 14.7%, trong khi lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm mạnh 93.3%, cho thấy hiệu quả hoạt động cốt lõi suy yếu đáng kể. Đáng chú ý, Công ty chuyển từ trạng thái có lãi sang lỗ với lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt ghi nhận âm, đồng thời không thực hiện chi trả cổ tức trong năm.

*The Company's business performance in 2025 showed a clear decline, with revenue, profit, and total assets all decreasing compared to the prior year. Specifically, net revenue fell by 14.7%, while profit from business activities dropped sharply by 93.3%, indicating a significant deterioration in core operating efficiency. Notably, the Company shifted from profit to loss, with both profit before tax and profit after tax turning negative, and no dividend was paid during the year.*

## Tình hình tài chính / *Financial situation*

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu / *Major financial indicators*

Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	ĐVT <i>Unit</i>	Năm /Year 2024	Năm /Year 2025
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán <i>Solvency ratio</i></b>			
Hệ số thanh toán hiện hành <i>Current ratio</i>	lần <i>times</i>	4.621	6.756
Hệ số thanh toán nhanh <i>Quick ratio</i>	lần <i>times</i>	4.405	6.319
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn <i>Capital structure Ratio</i></b>			
Nợ/Tổng tài sản <i>Debt/Total assets ratio</i>	%	20.3%	14.59%
Nợ/Vốn CSH <i>Debt/Owner's Equity ratio</i>	%	25.5%	17.08%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động <i>Operation capability Ratio</i></b>			
Vòng quay hàng tồn kho <i>Inventory turnover</i>	vòng <i>times</i>	5.522	4.196
Doanh thu thuần / Tổng tài sản <i>otal asset turnover</i>	vòng <i>times</i>	0.295	0.273
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời <i>Profitability</i></b>			
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần <i>profit after tax/Net revenue Ratio</i>	%	1.6%	-0.67%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH <i>profit after tax/total capital Ratio</i>	%	0.6%	-0.21%
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản <i>profit after tax/Total assets Ratio</i>	%	0.5%	-0.18%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần <i>Profit from business activities/Net revenue Ratio</i>	%	1.3%	0.10%

## Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư / *Shareholders structure, change in the owner's equity*

### Thông tin cổ phần / Shares

Tổng cổ phiếu phát hành / *Total shares issued* : 14 000 000 cổ phiếu / shares

Mệnh giá / *Par value* : 10 000 đồng / VND

Cổ phiếu đang lưu hành / *Outstanding shares* : 14 000 000 cổ phiếu / shares

Cổ phiếu quỹ / *Treasury shares* : 230 000 cổ phiếu

Loại cổ phiếu / *Type of shares* : cổ phiếu phổ thông / *common shares*

### Cơ cấu cổ đông / *Shareholders structure*

Cơ cấu cổ đông <i>Shareholders structure</i>	Cổ phần sở hữu <i>Ownership shares</i>	Tỷ lệ <i>Ratio</i>
Cổ đông lớn / <i>Major shareholder</i>	10,008,640	71.49%
Cổ đông nhỏ / <i>Minor shareholder</i>	3,991,360	28.51%
Cổ đông tổ chức / <i>Institutional shareholder</i>	1,361,400	9.72%
Cổ đông cá nhân / <i>Individual shareholder</i>	12,638,600	90.28%
Cổ đông trong nước / <i>Domestic shareholder</i>	13,703,620	97.88%
Cổ đông nước ngoài / <i>Foreign shareholder</i>	296,380	2.12%
Cổ đông nhà nước / <i>State shareholder</i>	-	0.00%
Cổ đông khác / <i>Other shareholder</i>	13,770,000	98.36%
Cổ phiếu quỹ / <i>Treasury stock</i>	230,000	1.64%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *foreign shareholder's maximum percentages* : 49%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu / *Change in the owner's equity*: không có / *none*

Giao dịch cổ phiếu quỹ / *Transaction of treasury stocks*: không có / *none*

Các chứng khoán khác / *Other securities* : không có / *none*

# Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội / *Environment-Social-Governance (ESG)* *Report of the Company*

## **Tác động lên môi trường / *Impact on the environment* :**

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp / *Total direct and indirect GHG emission* : Không / *none*

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính / *Measures and initiatives to reduce GHG emission* : Không / *none*

## **Quản lý nguồn vật liệu / *Management of raw materials***

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm / *The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

Nguyên vật liệu thể rắn / *Solid materials* : 361,487.62 kg

Nguyên vật liệu thể lỏng / *Liquid materials* : 466.70 lít / *Liters*

Nguyên vật liệu khác / *Other materials* : 26,073,470 đơn vị / *unit*

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức / *The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization*: 0 %

## **Tiêu thụ năng lượng / *Energy consumption* :**

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp / *Energy consumption - directly and indirectly*: 2,256,029 kwh (điện/electricity), 15% là điện mặt trời / *is sourced from solar power.*

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả / *Energy savings through initiatives of efficiently using energy*: không / *none.*

## Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội / *Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này / *The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives: không / none*

### **Tiêu thụ nước / *Water consumption :***

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng / *Water supply and amount of water used :*

Công ty sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất của Công ty cổ phần đầu tư – Khai thác – Sản xuất và cung cấp nước sạch ITA; lượng nước sử dụng trong năm / *The company uses domestic and production water supplied by ITA Investment – Exploitation – Production and Clean Water Supply Joint Stock Company; the amount of water used during the year : 12 088 m<sup>3</sup>*

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng / *Percentage and total volume of water recycled and reused: 0 %*

### **Tuân thủ pháp luật về môi trường / *Compliance with the law on environmental protection***

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường / *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment: không / none*

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường / *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: không / none*

# Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội / *Environment-Social-Governance (ESG)* *Report of the Company*

## **Chính sách liên quan đến người lao động / *Policies related to employees***

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động / *Number of employees, average wages of workers* :

- Số lượng lao động / *Number of employees*: 188 (at 31/12/2025).
- Mức lương bình quân / *average wages of workers* : 17,650,406 (đồng/tháng) / *(VND/month)* .

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động / *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers*:

- Chế độ làm việc: 5.5 ngày/tuần; 8h/ngày / *Work schedule: 5.5 days/week; 8 hours/day.*
- Thưởng các ngày lễ, tết và áp dụng lương tháng 13 cho toàn bộ nhân viên / *Bonuses for holidays and Tet, and a 13th-month salary applied to all employees.*
- 100% nhân viên ký hợp đồng và tham gia bảo hiểm theo pháp luật hiện hành / *100% of employees sign contracts and participate in insurance according to current legal regulations.*

Hoạt động đào tạo / *Training activities*:

- Ngoài các hoạt động đào tạo chuyên môn theo yêu cầu đặt thù của ngành dược do Nhà nước quy định. Công ty hàng năm còn tổ chức đào tạo nội bộ về bán hàng, thương hiệu, quản lý thời gian hoặc mời chuyên gia huấn luyện từ bên ngoài.  
*- In addition to specialized training activities required by the pharmaceutical industry regulations, the company annually organizes internal training on sales, branding, and time management, or invites external experts for training*

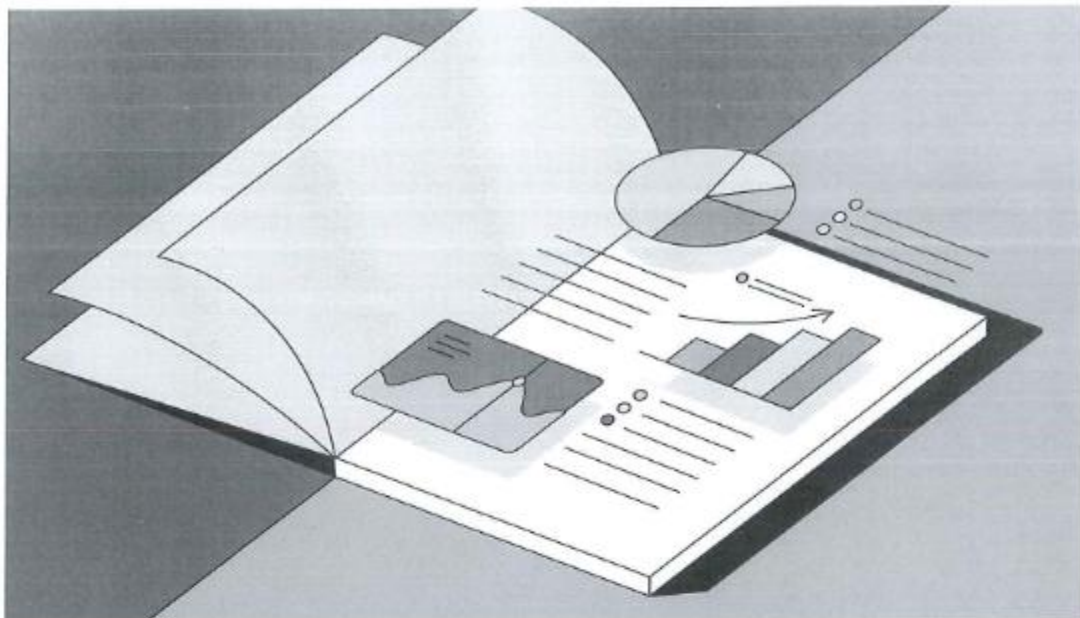
## Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội / *Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

- Số giờ trung bình cho nhân viên cấp quản lý, gián tiếp : 42h/năm.
- *Average training hours for management and indirect staff: 42 hours/year.*
- Số giờ đào tạo cho nhân viên trực tiếp sản xuất: 32h/năm.
- *Training hours for direct production staff: 32 hours/year.*
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: thường xuyên cung cấp các lớp đào tạo chuyên môn để phát triển tay nghề của nhân viên.
- *Skill development and continuous learning programs to support job security and career development: Regularly provide specialized training classes to enhance employee skills.*

### **Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương / *Report on responsibility for local community:***

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service: không / *none*

**Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN / *Report on green capital market activities under the guidance of the SSC:*** không / *none*



### III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

*Reports and  
assessments of the  
Board of  
Management*

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh  
*Assessment of operating results*

Tình hình tài chính  
*Financial Situation*

Cải tiến cơ cấu, tổ chức  
*Improvements in organizational structure,  
policies, and management*

Kế hoạch phát triển  
*Development plans in future*

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường, xã hội  
*Assessment Report related to environmental  
and social responsibilities of the Company*

# Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh / *Assessment of operating results*

## Tổng quan về kết quả kinh doanh / *Overview of Business Results*

Nội dung <i>Content</i>	Kế hoạch <i>Plan</i>	Kỳ trước <i>Previous Period</i>	Kỳ này <i>Current Period</i>	So với kế hoạch <i>Compared to Plan</i>	So với kỳ trước <i>Compared to Previous Period</i>
Doanh thu thuần <i>Net Revenue</i>	500.00	297.77	253.96	-49.2%	-14.7%
Lợi nhuận trước thuế <i>Profit Before Tax (*)</i>	26.00	4.14	(0.06)	lãi sang lỗ <i>profit to loss</i>	lãi sang lỗ <i>profit to loss</i>
Lợi nhuận sau thuế <i>Profit After Tax (*)</i>	20.00	4.61	(1.70)	lãi sang lỗ <i>profit to loss</i>	lãi sang lỗ <i>profit to loss</i>

Có thể thấy doanh thu và lợi nhuận đều giảm mạnh so với cùng kỳ và kế hoạch đề ra, một số nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong năm:

*Both revenue and profit have dropped significantly compared to the same period and targets due to several key factors:*

- Tăng giá nguyên liệu đầu vào: Phần lớn nguyên liệu sản xuất dược phẩm tại Việt Nam được nhập khẩu, đặc biệt từ Ấn Độ và Trung Quốc. Sự biến động về giá cả và nguồn cung từ các thị trường này đã ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, làm giảm biên lợi nhuận của các doanh nghiệp dược phẩm trong nước.

*- Rising input material costs: Most pharmaceutical production materials in Vietnam are imported, especially from India and China. Price and supply fluctuations from these markets have impacted production costs, reducing the profit margins of domestic pharmaceutical companies.*

- Cạnh tranh gia tăng trên thị trường: Sự xuất hiện của nhiều doanh nghiệp mới cùng với việc mở rộng hoạt động của các công ty hiện có đã làm tăng mức độ cạnh tranh trong ngành. Điều này dẫn đến áp lực về giá cả và thị phần, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp.

*- Increasing market competition: The emergence of many new companies, along with the expansion of existing firms' operations, has increased the level of competition in the industry. This has created pressure on pricing and market share, affecting the revenue and profitability of businesses.*

- Sức mua giảm do kinh tế tăng trưởng chậm: Tăng trưởng kinh tế chậm lại đã ảnh hưởng đến thu nhập và chi tiêu của người dân. Người tiêu dùng có xu hướng thắt chặt chi tiêu, bao gồm cả việc mua sắm các sản phẩm chăm sóc sức khỏe, dẫn đến giảm doanh thu cho ngành dược phẩm.

- *Declining purchasing power due to slow economic growth: The slowdown in economic growth has affected people's income and spending. Consumers tend to tighten their budgets, including spending on healthcare products, leading to a decrease in revenue for the pharmaceutical industry.*

- Ban Giám đốc có trách nhiệm trực tiếp trong việc lập kế hoạch, quản lý rủi ro, điều hành sản xuất kinh doanh và thích ứng với thay đổi của thị trường. Việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh cho thấy Ban Giám đốc đã thiếu tính chủ động, chưa có biện pháp quản trị rủi ro hiệu quả và chưa kịp thời đưa ra các chiến lược phù hợp để đối phó với những thay đổi từ thị trường và môi trường kinh tế.

- *The Board of Directors has direct responsibility for business planning, risk management, business operations, and adapting to market changes. The failure to meet the business plan indicates that the Board of Directors lacked proactiveness, failed to implement effective risk management measures, and did not promptly introduce appropriate strategies to respond to market and economic environment changes.*

#### **Những tiến bộ công ty đã đạt được/The Company's achievements.**

- Năm 2025, công ty tiến hành đẩy mạnh vận dụng nền tảng quản lý doanh nghiệp trực tuyến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, tự động hóa.

- *In 2025, the company strengthened the adoption of online enterprise management platforms, applying artificial intelligence and automation.*

## Tình hình tài chính / *Financial Situation*

### ➤ Tài sản / *Assets*

CHỈ TIÊU <i>Indicator</i>	Năm/Year 2024	Năm/Year 2025	Thay đổi / Change (%)
<b>I. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> <b>CURRENT ASSETS</b>	<b>864,618,517,088</b>	<b>795,989,132,648</b>	<b>-7.94%</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền <i>Cash and Cash Equivalents</i>	30,070,353,257	2,704,623,665	-91.01%
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn <i>Short-term Financial Investments</i>	-	-	0.00%
3. Các khoản phải thu ngắn hạn <i>Short-term Receivables</i>	791,573,245,318	738,690,070,948	-6.68%
4. Hàng tồn kho <i>Inventories</i>	40,515,001,863	51,496,705,713	27.11%
5. Tài sản ngắn hạn khác <i>Other Current Assets</i>	2,459,916,650	3,097,732,322	25.93%
<b>II. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> <b>NON-CURRENT ASSETS</b>	<b>144,227,264,985</b>	<b>135,000,408,794</b>	<b>-6.40%</b>
1. Các khoản phải thu dài hạn <i>Long-term Receivables</i>	-	-	100.00%
2. Tài sản cố định <i>Fixed Assets</i>	117,562,293,466	122,686,313,736	4.36%
3. Tài sản dở dang dài hạn <i>Long-term Work in Progress</i>	20,793,677,278	7,066,218,363	-66.02%
4. Đầu tư tài chính dài hạn <i>Long-term Financial Investments</i>	2,754,000,000	2,754,000,000	0.00%
5. Tài sản dài hạn khác <i>Other Non-current Assets</i>	3,117,294,241	2,493,876,695	-20.00%
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>TOTAL ASSETS</b>	<b>1,008,845,782,073</b>	<b>930,989,541,442</b>	<b>-7.72%</b>

- Nhìn chung tài sản biến động không nhiều, giảm chủ yếu do trong năm công ty chia cổ tức bằng tiền mặt 5%.

- Overall, the assets did not fluctuate significantly, with the decrease mainly due to the company paying a 5% cash dividend during the year.

- Nợ phải thu quá hạn vẫn là thách thức lớn. Tuy nhiên, công ty đã tiến hành trích lập dự phòng 32,530,049,911 đồng nhằm bù đắp tổn thất tiềm ẩn trong tương lai.

- Overdue receivables remain a significant challenge. However, the company has made a provision of 32,530,049,911 VND to cover potential future losses.

## Tình hình tài chính / *Financial Situation*

### ➤ Nguồn vốn/ *Resources*

CHỈ TIÊU <i>Indicator</i>	Năm/Year 2024	Năm/Year 2025	Thay đổi / Change (%)
<b>I. NỢ PHẢI TRẢ</b> <b>LIABILITIES</b>	<b>220,352,735,197</b>	<b>135,816,562,232</b>	<b>-38.36%</b>
1. Nợ ngắn hạn <i>Short-term Liabilities</i>	187,091,135,638	117,816,562,232	-37.03%
2. Nợ dài hạn <i>Long-term Liabilities</i>	18,000,000,000	18,000,000,000	0.00%
<b>II. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> <b>OWNERS' EQUITY</b>	<b>806,021,441,317</b>	<b>795,172,979,210</b>	<b>-1.35%</b>
1. Vốn chủ sở hữu <i>Owners' Equity</i>	803,754,646,435	795,172,979,210	-1.07%
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác <i>Funds and Other Reserves</i>	-	-	0.00%
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY</b>	<b>1,026,374,176,514</b>	<b>930,989,541,442</b>	<b>-9.29%</b>

- Nhìn chung, tình hình nợ phải trả có xu hướng tích cực nhờ vào việc giảm nợ vay ngắn hạn, qua đó giảm bớt áp lực tài chính và cải thiện khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty. Tuy nhiên, tài sản lưu động của công ty vẫn phụ thuộc lớn vào nguồn vốn vay ngắn hạn (72,062,673,444 đồng). Điều này có thể ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động của công ty khi lãi suất biến động, làm gia tăng chi phí tài chính và gây áp lực lên dòng tiền.

- Overall, the liability situation shows a positive trend thanks to the reduction in short-term debt, which helps ease financial pressure and improve the company's short-term liquidity. However, the company's current assets still rely heavily on short-term borrowings (72,062,673,444 VND). This could significantly affect the company's operations when interest rates fluctuate, increasing financial costs and putting pressure on cash flow.

## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý / *Improvements in organizational structure, policies, and management.*

- ❖ Công ty tiến hành tái cấu trúc bộ máy theo hướng trẻ hóa đội ngũ lãnh đạo, chú trọng chất lượng lao động, đồng thời với việc khuyến khích lao động năng suất cao bằng cách tăng chi phí cho lao động theo đơn vị sản phẩm.
- ❖ *The company is restructuring its organization toward rejuvenating the leadership team and focusing on labor quality. At the same time, it encourages high labor productivity by increasing labor costs per unit of product.*
- ❖ Bên cạnh đó là đẩy mạnh áp dụng công nghệ hoặc các giải pháp công nghệ mới nhằm tăng năng xuất lao động, giảm hoặc loại bỏ lãng phí các công đoạn trung gian một cách triệt để.
- ❖ *Additionally, the company is promoting the adoption of new technologies and technological solutions to increase labor productivity and thoroughly reduce or eliminate waste in intermediate processes.*
- ❖ Phát triển thêm các sản phẩm, dịch vụ có biên lợi nhuận cao để tăng doanh thu và lợi nhuận. Đa dạng hóa thị trường và khách hàng để tránh phụ thuộc vào một thị trường hoặc đối tác duy nhất, từ đó giảm thiểu rủi ro mất cân đối dòng tiền
- ❖ *Develop additional high-margin products and services to increase revenue and profit. Diversify markets and customers to avoid dependence on a single market or partner, thereby minimizing the risk of cash flow imbalance.*

## Kế hoạch phát triển trong tương lai / *Development plans in future*

### **Đưa vào hoạt động sản xuất thuốc chích / *Introduce injectable drug production***

- Nghiên cứu và đầu tư dây chuyền sản xuất thuốc chích theo tiêu chuẩn GMP.

*Research and invest in injectable drug production lines meeting GMP standards.*

- Đào tạo đội ngũ chuyên môn về sản xuất, kiểm soát chất lượng và an toàn sinh học.

*Train a professional team for production, quality control, and biosafety.*

- Phát triển danh mục thuốc chích đa dạng, tập trung vào các nhóm sản phẩm có nhu cầu cao như kháng sinh, giảm đau và tăng cường miễn dịch.

*Develop a diverse portfolio of injectable drugs, focusing on high-demand products such as antibiotics, pain relievers, and immune boosters.*

### **Phát triển sản phẩm mới về hỗ trợ sức khỏe và làm đẹp / *Develop new products for health and beauty support.***

- Tập trung nghiên cứu các dòng sản phẩm hỗ trợ sức khỏe như thực phẩm chức năng, vitamin, và sản phẩm tăng cường sức đề kháng.

*Focus on researching health support products such as supplements, vitamins, and immune-boosting products.*

- Đẩy mạnh các sản phẩm làm đẹp có thành phần tự nhiên, an toàn, phù hợp xu hướng tiêu dùng hiện đại.

*Promote beauty products with natural, safe ingredients that align with modern consumer trends.*

- Hợp tác với các chuyên gia trong lĩnh vực dinh dưỡng và làm đẹp để phát triển công thức sản phẩm độc quyền.

*Collaborate with experts in nutrition and beauty to develop exclusive product formulas.*

## Kế hoạch phát triển trong tương lai / *Development plans in future*

### **Phát triển kênh khách hàng gia công**

#### **Develop contract manufacturing customer channels**

Hợp tác với nhà phân phối trong & ngoài nước để nhận đơn hàng

Partner with local & international distributors to secure orders

Xây dựng quy trình sản xuất linh hoạt, đáp ứng tiêu chuẩn đối tác

Develop flexible production processes meeting partner standards

Cung cấp dịch vụ trọn gói (R&D – sản xuất – đóng gói – giao hàng)

Offer full-service solutions (R&D – production – packaging – delivery)

### **Đẩy mạnh marketing thương hiệu**

#### **Strengthen brand marketing**

Triển khai marketing đa kênh (TV, website, social media)

Execute multi-channel marketing (TV, website, social media)

Hợp tác KOLs/influencers để quảng bá

Collaborate with KOLs/influencers

Đầu tư chiến dịch sáng tạo kết hợp truyền thống & digital

Invest in creative campaigns combining traditional & digital

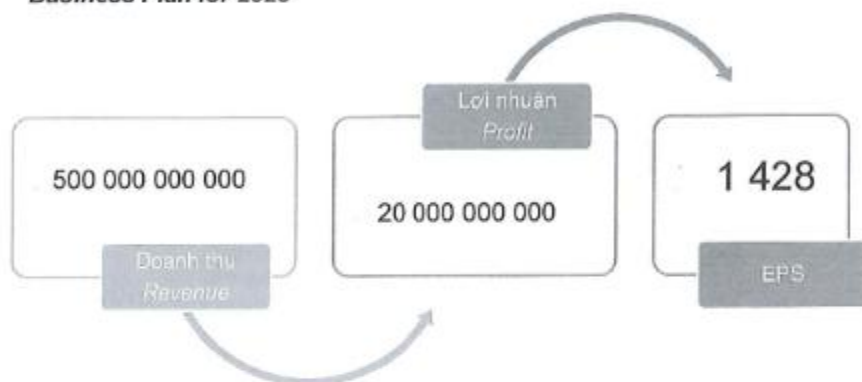
Tăng khuyến mãi & chăm sóc khách hàng để nâng cao nhận diện

Enhance promotions & customer care to boost brand awareness

## Kế hoạch phát triển trong tương lai / *Development plans in future*

**Kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2025:**

***Business Plan for 2025***



*\* Kế hoạch này là bản ghi nhớ của ban Giám đốc công ty phục vụ cho công tác điều hành, có thể được điều chỉnh thông qua Đại hội cổ đông thường niên*

*This plan is a memorandum of the company's Board of Directors for operational management purposes and may be adjusted through the Annual General Meeting of Shareholders.*

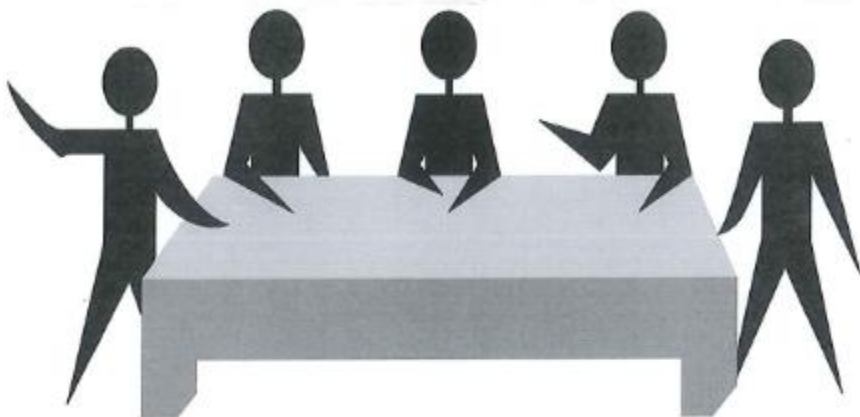
**Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán / *Explanation of the Board of Management for auditor's opinions***

Không có / none

# Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty / *Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company*

<b>Đối với môi trường</b> <i>the environment</i>	Sử dụng hợp lý và tiết kiệm các nguồn năng lượng, nước và nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh <i>Efficient and economical use of energy, water, and raw materials in business and production activities.</i>
	Tuân thủ pháp luật về môi trường, xử lý chất thải <i>Comply with environmental laws and manage waste disposal.</i>
<b>Đối với người lao động</b> <i>For employees</i>	Tuân thủ chính sách đối với người lao động về môi trường làm việc, giờ làm việc, lương thưởng và bảo hiểm <i>Comply with employee policies regarding working environment, working hours, salaries, bonuses, and insurance.</i>
	Tổ chức đào tạo hàng tháng/quý cho bộ phận sản xuất <i>Organize monthly/quarterly training sessions for the production department.</i>
<b>Đối với cộng đồng địa phương</b> <i>For the local community</i>	Luôn ủng hộ các chính sách của địa phương <i>Always support local policies</i>
	Tham gia ủng hộ địa phương xử lý các vấn đề về môi trường, xã hội, các chương trình từ thiện <i>Participate in supporting the local community in addressing environmental and social issues, as well as charitable programs.</i>





**IV. ĐÁNH GIÁ  
CỦA HĐQT VỀ  
HOẠT ĐỘNG  
CỦA CÔNG TY**

*Assessments of  
the BOD on the  
Company's  
operation*

Đánh giá các mặt hoạt  
động của công ty

*Assessments of the Board  
of Directors on the  
Company's operation*

Đánh giá hoạt động của  
Ban giám đốc

*Assessment of BOD on  
Board of Management's  
performance*

Kế hoạch, định hướng  
hoạt động

*Plans and orientations of  
the Board of Directors*

## Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

### *Assess various aspects of the company's operations*

- ❖ Do tình hình kinh tế năm 2025, với lạm phát khiến giá cả đầu vào tăng nhanh chóng, trong khi đặc thù của ngành dược là không thể điều chỉnh giá bán ra theo biến động của thị trường, công ty đã gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trước tình hình đó, Hội đồng Quản trị đã quyết định điều chỉnh các kế hoạch kinh doanh để phù hợp hơn với thực tế, nhằm đảm bảo sự ổn định và duy trì hoạt động của công ty trong giai đoạn khó khăn này. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị đánh giá cao nỗ lực của toàn thể nhân viên công ty trong việc thích ứng với điều kiện kinh doanh đầy thách thức, đồng thời ghi nhận những mặt tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thể hiện qua các kết quả đạt được trong năm tài chính.
- ❖ Bên cạnh việc tập trung vào sản xuất và kinh doanh để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và toàn thể nhân viên, công ty vẫn luôn duy trì và thực hiện đầy đủ trách nhiệm với môi trường và xã hội theo đúng các quy định của Nhà nước.
- ❖ *Due to the economic situation in 2025, with inflation causing a rapid increase in input costs, while the pharmaceutical industry's nature prevents adjusting selling prices according to market fluctuations, the company has faced many difficulties in production and business activities. In response to this situation, the Board of Directors has decided to adjust business plans to better align with reality, ensuring the stability and continuity of the company's operations during this challenging period. However, the Board of Directors highly appreciates the efforts of all company employees in adapting to the challenging business conditions and recognizes the positive aspects of production and business activities, as reflected in the results achieved during the fiscal year.*
- ❖ *In addition to focusing on production and business operations to protect the interests of shareholders and all employees, the company consistently upholds and fulfills its environmental and social responsibilities in compliance with State regulations.*

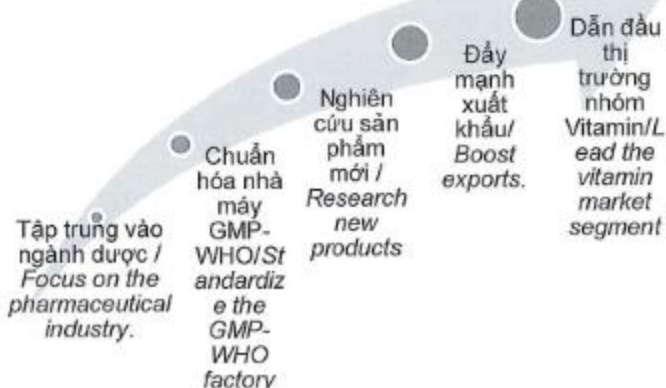
## Đánh giá hoạt động của ban giám đốc

### *Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance*

- ❖ Mặc dù công ty đang trải qua giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng từ tình hình chung của nền kinh tế thế giới, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực duy trì hoạt động, đưa ra các định hướng và điều hành kịp thời, chính xác để đảm bảo công ty vận hành hiệu quả nhất trong điều kiện các nguồn lực có hạn.
- ❖ Công ty đã từng bước hoàn thiện hệ thống kiểm soát, đẩy mạnh chuyển đổi số và tái cấu trúc bộ máy nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Sự chủ động và tinh thần trách nhiệm của từng phòng ban đã được phát huy, tạo nền tảng vững chắc để tiến tới hoàn thành các mục tiêu chung của công ty.
- ❖ *Although the company is going through a challenging period due to the impact of the global economic situation, the Executive Board has made great efforts to maintain operations, providing timely and accurate guidance and management to ensure the company operates as efficiently as possible under limited resources.*
- ❖ *The company has gradually improved its control systems, accelerated digital transformation, and restructured the organizational framework to enhance operational efficiency. The proactiveness and sense of responsibility of each department have been promoted, creating a solid foundation to move toward achieving the company's overall objectives.*

## Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

### *Plans and orientations of the Board of Directors*





V. QUẢN  
TRỊ CÔNG  
TY

*Corporate  
governance*

Hội đồng quản trị  
*Board of Directors*

Ban kiểm soát  
*Supervisory Board*

Các giao dịch, thù lao và các  
lợi ích của thành viên HĐQT

*Transactions, remuneration,  
and benefits of Board of  
Directors members*

## Hội đồng quản trị / *Board of Directors*

Thành viên và cơ cấu của HĐQT / *Members of the Board of Directors*

Đào Hữu Hoàng

- Chủ tịch HĐQT / *Chairman of the Board of Directors*
- Điều hành / *Management*
- Sở hữu cổ phiếu / *Share ownership: 44.27% (tại/at 31/12/2025)*

Đỗ Thị Mai

- Thành viên HĐQT / *Board member*
- Không điều hành / *Non-executive*
- Sở hữu cổ phiếu / *Share ownership: 7.14 % (tại 31/12/2025)*

## Hội đồng quản trị / *Board of Directors*

Thành viên và cơ cấu của HĐQT / *Members of the Board of Directors*

Đào Hữu Hoàng Vũ

- Thành viên HĐQT / *Board member ( từ ngày / since 28/06/2024 )*
- Không điều hành / *Non-executive*
- Sở hữu cổ phiếu / *Share ownership: 12.64 % (tại 31/12/2025)*

Đào Hữu Khôi

- Thành viên HĐQT / *Board member*
- Không điều hành / *Non-executive*
- Sở hữu cổ phiếu / *Share ownership: 2.93% (31/12/2025)*

Nguyễn Hoàng Hà

- Thành viên HĐQT / *Board member*
- Thành viên độc lập, không điều hành / *Independent, non-executive member*
- Sở hữu cổ phiếu / *Share ownership: 0% (31/12/2025)*

### Hoạt động của HĐQT / *Activities of the Board of Directors*

- ❖ Trong năm HĐQT đã tổ chức các cuộc họp thông qua các nghị quyết quan trọng nhằm chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban giám đốc, phục vụ chiến lược phát triển của Công ty.

*During the year, the Board of Directors held meetings and passed important resolutions to direct and oversee the activities of the Executive Board, supporting the company's development strategy.*

<b>Stt No.</b>	<b>Số Nghị quyết Resolution/Decision No.</b>	<b>Ngày Date</b>	<b>Nội dung Content</b>	<b>Tỷ lệ thông qua Approval rate</b>
1	0301/2025/NQ-HĐQT	03/01/2025	Nghị quyết về triển khai chiến lược bán hàng; kế hoạch mục tiêu năm 2025.  <i>Resolution on the Implementation of the Sales Strategy and 2025 Goals:</i>	100%
2	0403/2025/NQ-HĐQT	04/03/2025	Triển khai phát triển dự án thuốc điều trị ung thư.  <i>Implementing an investment project for the development and manufacturing of oncology drugs</i>	100%
3	0805/NQHĐQT-2025	08/05/2025	Thông qua kế hoạch tổ chức đại hội cổ đông thường niên 2025.  <i>Approve the plan to organize the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.</i>	100%
4	0110/NQHĐQT-2025	10/10/2025	Thông qua kế hoạch triển khai, nâng cấp ứng dụng "AI Agent" cho hệ thống Base  <i>Approval of the implementation and upgrade of the "AI Agent" application for the Base system</i>	100%

5	0511-25-1/NQHDQT-2025	05/11/2025	Thông qua kế hoạch và thời gian chia cổ tức năm 2024; <i>Approval of the dividend plan and payment schedule for 2024</i>	100%
6	0112/NQHĐQT-2025	15/12/2025	Thông qua kế hoạch kinh doanh cho năm 2026; <i>Approval of the 2026 Business Plan;</i>	100%

**Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập / *Activities of the Board of Directors' independent members***

**Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị / *Activities of the Board of Directors' subcommittees***

- ❖ Công ty không thành lập các tiểu ban. Các thành viên HĐQT được phân công cụ thể theo từng lĩnh vực chuyên môn để tham vấn cho HĐQT trước khi đưa ra các nghị quyết, quyết định. Với trách nhiệm của mình, các thành viên đã tham gia đầy đủ và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- ❖ Công ty có thành viên HĐQT độc lập tham gia đầy đủ và biểu quyết nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của cổ đông.

*The company has not established any subcommittees. Board members are specifically assigned to different areas of expertise to provide consultation to the Board of Directors before issuing resolutions and decisions. In fulfilling their responsibilities, the members have fully participated and voted on matters within the Board's authority.*

*The company has independent Board members who actively participate and vote to ensure the legitimate rights of shareholders.*

**Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty / *The list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance: không / none***

## Ban kiểm soát / Board of Supervisors

### Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát / Members and structure of the Board of Supervisors

Dương Nguyễn Trường Huy

- Thành viên / Member
- Ngày bổ nhiệm / Appointment date: 30/06/2017
- Cử nhân kế toán / Bachelor of Accounting
- Sở hữu cổ phiếu / Shares owned: 0% (tại / at 31/12/2025)

Ôn Ngọc Lan

- Thành viên / Member
- Ngày bổ nhiệm / Appointment date.: 10/12/2011
- Cử nhân kế toán / Bachelor of Accounting
- Sở hữu cổ phiếu / Shares owned: 0% (tại / at 31/12/2025)

Bùi Công Sơn

- Trưởng ban / Head of the Supervisory Board
- Ngày bổ nhiệm / Appointment date: 30/06/2021
- Cử nhân kế toán / Bachelor of Accounting
- Sở hữu cổ phiếu / Shares owned: 0% (tại / at 31/12/2025)

### Các cuộc họp của ban kiểm soát / Meetings of Board of Supervisors

STT No.	Thành viên BKS Members of Board of Supervisors/ Audit Committee	Số buổi họp tham dự Number of meetings attended	Tỷ lệ tham dự họp Attendance rate	Tỷ lệ biểu quyết Voting rate	Lý do không tham dự họp Reasons for absence
1	Bà/Ms Ôn Ngọc Lan	2	100%	100%	
2	Ông/Mr Dương Nguyễn Trường Huy	2	100%	100%	
3	Ông/Mr Bùi Công Sơn	2	100%	100%	

## Ban kiểm soát / *Board of Supervisors*

### Hoạt động của ban kiểm soát / *Activities of the Board of Supervisors*

- ✓ **Kiểm soát mục tiêu, chiến lược:** theo sát kế hoạch, mục tiêu đã đề ra nhằm đảm bảo kết quả Doanh thu – lợi nhuận hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra.
- ✓ **Kiểm soát thông tin:** Theo dõi nắm bắt tình hình, Công bố thông tin kịp thời, minh bạch tránh gây ảnh hưởng tới cổ đông nhỏ.
- ✓ **Kiểm soát tài chính:** Kiểm tra báo cáo tài chính hàng quý để đánh giá tính hợp lý của các số liệu kế toán, kết hợp với các Kiểm toán viên độc lập nhằm xem xét các yếu tố ảnh hưởng quan trọng trong báo cáo Tài chính. Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về quản lý khoản đầu tư tài chính.
- ✓ **Đánh giá:** Nhìn chung, Ban lãnh đạo SPM đã kết hợp khá tốt trong công tác quản lý và thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Các báo cáo tài chính quý, bán niên, thường niên đều phản ánh các con số trung thực và hợp lý phù hợp với các chuẩn mực Kế toán tại Việt nam và các quy định pháp lý liên quan.
  - \* **Objective and Strategy Control:** Monitor the set plans and goals to ensure revenue and profit targets are met.
  - \* **Information Control:** Track and disclose information promptly and transparently to avoid negative impacts on minority shareholders.
  - \* **Financial Control:** Review quarterly financial reports for accuracy, working with independent auditors to assess key financial factors and ensure compliance with financial investment management regulations.
  - \* **Evaluation:** Overall, SPM's management has performed well in managing and driving business operations. Financial reports (quarterly, semi-annual, and annual) accurately reflect the company's performance according to Vietnamese accounting standards and legal regulations.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát / *Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/Audit Committee*

**Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích / Salary, bonus, remuneration, and benefits**

Họ và tên <i>Full name</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Năm / year 2025 (VND)
Đào Hữu Hoàng	Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board of Directors</i>	842,000,000
Nguyễn Thế Kỳ	PGD chuyên môn <i>Vice Director</i>	293,615,000
Nguyễn Thế Quyền	Tổng giám đốc <i>General Director</i>	423,000,000
Bùi Công Sơn	Ban kiểm soát <i>Head of the Supervisory Board</i>	279,085,000

➢ Năm 2025, không có các khoản thù lao hoặc lợi ích khác. Chỉ có lương, thưởng cho các cá nhân trực tiếp điều hành Công ty  
*In 2025, there were no remuneration or other benefits. Only salaries and bonuses were provided to individuals directly managing the company.*

**Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ / Share transactions by internal shareholders: không /none**

**Hợp đồng giao dịch với người nội bộ / Contracts or transactions with internal shareholders: không /none**

**Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty / Assessing the implementation of regulations on corporate governance**

- ✓ Tuy vẫn còn hạn chế trong cơ cấu nhân sự, đáp ứng các chỉ tiêu về tính độc lập cần phải khắc phục trong thời gian tới. Nhìn chung, bộ máy quản lý và quản trị của Công ty được xem là hợp lý, đáp ứng nhu cầu quản trị và vận hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- ✓ *Despite some limitations in the organizational structure and independence criteria, which need to be addressed, the company's management and governance system is generally reasonable and meets operational and business needs.*



**VI. BÁO  
CÁO TÀI  
CHÍNH**

*Financial  
statements*

Báo cáo của Ban giám đốc  
*Executive Board Report*

Ý kiến kiểm toán  
*Auditor's opinions*

Cân đối kế toán  
*Balance sheet*

Kết quả kinh doanh  
*Income statement*

Lưu chuyển tiền tệ  
*Cash flow statement*

Thuyết minh báo cáo tài chính  
*Financial Statements Explanation*

## Báo cáo của ban tổng giám đốc / Executive Board Report

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

*The Executive Board of S.P.M Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Company") presents its report along with the financial statements for the fiscal year ended December 31, 2025.*

### **Khái quát về Công ty / Company Overview**

Công ty Cổ phần S.P.M hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302271207, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 11 tháng 12 năm 2025 Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

*S.P.M Joint Stock Company operates under Enterprise Registration Certificate No. 0302271207, initially issued on March 26, 2001, and amended for the 22nd time on December 11, 2025 by the Ho Chi Minh City Department of Finance.*

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SPM.

*The Company's shares are listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange under the ticker symbol SPM.*

### **Trụ sở chính / Head Office**

Địa chỉ / Address                      Lô số 51 – 53 Khu công nghiệp Tân Tạo Đường số 2, Phường Tân Tạo, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
*Lot No. 51–53, Tân Tạo Industrial Park, Street No. 2, Tân Tạo Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Điện thoại / Phone                      (84-28) 37 507 496

Fax    (84-28) 38 771 010

Công ty có Văn phòng đại diện tại C4-C8, Đường Bửu Long, P. Hòa Hưng, TP.HCM.

*The Company has a representative office at C4-C8, Buu Long Street, Hoa Hung Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*

## Báo cáo của ban tổng giám đốc / *Executive Board Report*

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là / *The Company's main business activities are:*

- Sản xuất dược phẩm / *Manufacturing pharmaceuticals*
- Mua bán thực phẩm. Bán buôn thực phẩm chức năng / *Trading food products. Wholesale of functional foods*
- Bán lẻ nguyên liệu sản xuất các mặt hàng máy móc trang thiết bị y tế, khẩu trang, găng tay, đồ bảo hộ lao động; máy móc trang thiết bị y tế, khẩu trang, găng tay, đồ bảo hộ lao động (không hoạt động tại trụ sở) / *Retail of raw materials for manufacturing medical equipment, face masks, gloves, protective gear; medical equipment, face masks, gloves, protective gear (not operating at the head office)*
- Bán lẻ thuốc (không hoạt động tại trụ sở) / *Retail of medicines (not operating at the head office)*
- Sản xuất thực phẩm chức năng / *Manufacturing functional foods*

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý / *Board of Directors and Executive Management*

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

*Members of the Board of Directors and Executive Management of the Company during the year and up to the date of this report include:*

#### Hội đồng quản trị / *Board of Directors*

Họ và tên / <i>Full name</i>	Chức vụ / <i>Position</i>	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm / <i>Date of appointment/reappointment/dismissal</i>
Đào Hữu Hoàng	Chủ tịch / <i>Chairman</i>	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024 / <i>Reappointed on June 28, 2024</i>
Đỗ Thị Mai	Thành viên / <i>Member</i>	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2024 / <i>Reappointed on June 26, 2024</i>
Đào Hữu Hoàng Vũ	Thành viên / <i>Member</i>	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024 / <i>Appointed on June 28, 2024</i>
Đào Hữu Khôi	Thành viên / <i>Member</i>	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2024 / <i>Reappointed on June 28, 2024</i>
Nguyễn Hoàng Hà	Thành viên / <i>Member</i>	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2022 / <i>Appointed on June 28, 2022</i>

# Báo cáo của ban tổng giám đốc / *Executive Board Report*

## Ban kiểm soát / *Supervisory Board*

Họ và tên <i>Full name</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bổ nhiệm <i>Date of Appointment</i>
Bùi Công Sơn	Trưởng ban Head	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021 Appointed on June 30, 2021
Ôn Ngọc Lan	Thành viên Member	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2002 Appointed on December 10, 2002
Dương Nguyễn Trường Huy	Thành viên Member	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017 Appointed on June 30, 2017

## Ban giám đốc / *Board of Directors*

Họ và tên <i>Full name</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm <i>Date of Appointment/Dismissal</i>
Nguyễn Thế Quyền	Tổng Giám đốc General Director	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2022 Appointed on September 15, 2022.

## Đại diện pháp luật / *Legal Representative*

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

*The Company's legal representative during the year and up to the date of this report is as follows:*

Họ và tên <i>Full name</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm <i>Date of Appointment/Dismissal</i>
Nguyễn Thế Quyền	Quyền Tổng Giám đốc <i>Acting General Director</i>	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2022 Appointed on September 15, 2022

## Báo cáo của ban tổng giám đốc / *Executive Board Report*

### **Kiểm toán viên / Auditor**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

*A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. has been appointed to audit the Financial Statements for the fiscal year ended December 31, 2025 of the Company.*

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc / Responsibilities of the Board of General Directors**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

*The Board of General Directors is responsible for preparing the financial statements that present a true and fair view of the financial position, business performance, and cash flows of the Company for the year. In preparing these financial statements, the Board of General Directors must:*

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;  
*Select appropriate accounting policies and apply them consistently;*
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;  
*Make reasonable and prudent judgments and estimates;*
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;  
*State whether applicable accounting standards have been followed and disclose and explain any material departures in the financial statements.*
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;  
*Prepare the financial statements on a going concern basis unless it is inappropriate to assume that the Company will continue its operations;*
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*Establish and maintain an effective internal control system to reduce the risk of material misstatements due to fraud or error in the preparation and presentation of the financial statements.*

## Báo cáo của ban tổng giám đốc / *Executive Board Report*

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

*The Board of General Directors ensures that appropriate accounting records are fully maintained to reflect the Company's financial position with reasonable accuracy at any given time and that the accounting records comply with the applicable accounting regulations. The Board of General Directors is also responsible for managing the Company's assets and has therefore implemented appropriate measures to prevent and detect fraud and other violations.*

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

*The Board of General Directors confirms that it has complied with the above requirements in preparing the Financial Statements.*

### **Phê duyệt Báo cáo tài chính / *Approval of Financial Statements***

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*The Executive Board has approved the attached Financial Statements. The Financial Statements present fairly and accurately the financial position of the Company as of December 31, 2025, as well as the results of its business operations and cash flows for the financial year ended on the same date, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, and relevant legal regulations on the preparation and presentation of financial statements.*

Thay mặt ban tổng giám đốc

**Tổng giám đốc**



**Nguyễn Thế Quyền**

Ngày 27 tháng 03 năm 2026

# Ý kiến kiểm toán /Auditor's opinions

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT**

Kính gửi/To: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M  
THE SHAREHOLDERS, BOARD OF DIRECTORS, AND EXECUTIVE  
BOARD OF S.P.M JOINT STOCK COMPANY

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

*We have audited the accompanying financial statements of S.P.M Joint Stock Company (hereinafter referred to as the "Company"), prepared on March 27, 2026, from page 05 to page 32, including the balance sheet as of December 31, 2025, the income statement, the cash flow statement for the financial year ended on the same date, and the notes to the financial statements.*

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc / Responsibility of the Executive Board**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

*The Executive Board is responsible for the preparation and fair presentation of the Company's financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, and relevant legal regulations on the preparation and presentation of financial statements. The Executive Board is also responsible for internal controls that it determines to be necessary to ensure that the preparation and presentation of the financial statements are free from material misstatements, whether due to fraud or error*

## Ý kiến kiểm toán / Auditor's opinions

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên / Auditor's Responsibility**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

*Our responsibility is to express an opinion on the financial statements based on the results of the audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese auditing standards. These standards require us to comply with professional ethical standards and regulations, plan, and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the Company's financial statements are free from material misstatement.*

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

*The audit work includes performing procedures to obtain audit evidence about the figures and disclosures in the financial statements. The audit procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement in the financial statements due to fraud or error. In assessing these risks, the auditor considers the Company's internal control relevant to the preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures appropriate to the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. The audit work also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Directors, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.*

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

*We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.*

# Ý kiến kiểm toán / Auditor's opinions

## Ý kiến của Kiểm toán viên / Auditor's Opinion

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần S.P.M tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*In our opinion, the financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of S.P.M Joint Stock Company as at December 31, 2025, as well as its financial performance and cash flows for the financial year then ended, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, and the relevant legal regulations applicable to the preparation and presentation of financial statements.*

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



**Hoàng Thái Vương**  
Thành viên Ban Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1  
Người được ủy quyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2026

**Phan Vũ Công Bá**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2023-008-1

For and on behalf of  
A&C Auditing and Consulting Co., Ltd.



**Hoàng Thái Vương**  
Partner  
Audit Practice Registration Certificate No. 2129-2023-008-1  
Authorized Signatory

Hồ Chí Minh City, 27 March 2026

**Phan Vũ Công Bá**  
Auditor  
Audit Practice Registration Certificate No. 0197-2023-008-1

# Báo cáo tài chính / Audited financial statements

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN BALANCE SHEET

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (As at 31 December 2025)

Đơn vị tính/Currency: VND

CHỈ TIÊU ITEMS	Mã số Code	Thuyết minh Notes	Số cuối năm Closing balance	Số đầu năm Opening balance
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN CURRENT ASSETS</b>	<b>100</b>		<b>795,989,132,648</b>	<b>864,618,517,088</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền Cash and cash equivalents</b>	<b>110</b>		<b>2,704,623,665</b>	<b>30,070,353,257</b>
1. Tiền Cash	111	V.1	2,704,623,665	30,070,353,257
2. Các khoản tương đương tiền Cash equivalents	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn Short-term financial investments</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh Trading securities	121		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn Short-term receivables</b>	<b>130</b>		<b>738,690,070,948</b>	<b>791,573,245,318</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng Short-term trade receivables	131	V.2	753,607,901,013	759,796,250,131
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn Short-term advances to suppliers	132	V.3	1,965,465,496	35,099,205,509
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn Short-term intercompany receivables	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng Construction contract receivables	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn Short-term loan receivables	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác Other short-term receivables	136	V.4	15,646,754,350	33,511,787,062
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi Allowance for doubtful short-term receivables	137	V.5	(32,530,049,911)	(36,833,997,384)
<b>IV. Hàng tồn kho Inventories</b>	<b>140</b>		<b>51,496,705,713</b>	<b>40,515,001,863</b>
1. Hàng tồn kho Inventories	141	V.6	52,379,226,686	41,617,936,964
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho Allowance for inventory write-down	149	V.6	(882,520,973)	(1,102,935,101)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác Other current assets</b>	<b>150</b>		<b>3,097,732,322</b>	<b>2,459,916,650</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn Short-term prepaid expenses	151	V.7a	282,610,477	288,994,470
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ Deductible VAT	152		674,915,811	80,197,844
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước Taxes and other receivables from the State	153	V.15	2,140,206,034	2,090,724,336

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025/ For the financial year ended 31 December 2025

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)/ Balance Sheet (continued)**

CHỈ TIÊU ITEMS	Mã số Code	Thuyết minh Notes	Số cuối năm Closing balance	Số đầu năm Opening balance
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN NON-CURRENT ASSETS</b>	<b>200</b>		<b>135,000,408,794</b>	<b>144,227,264,985</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn Long-term receivables</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng Long-term trade receivables	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn Long-term advances to suppliers	212		-	-
<b>II Tài sản cố định Fixed assets</b>	<b>220</b>		<b>122,686,313,736</b>	<b>117,562,293,466</b>
1. Tài sản cố định hữu hình Tangible fixed assets	221	V.8	117,725,505,279	112,745,716,387
- Nguyên giá Cost	222		351,332,073,058	324,824,169,127
- Giá trị hao mòn lũy kế Accumulated depreciation	223		(233,606,567,779)	(212,078,452,740)
2. Tài sản cố định thuê tài chính Finance lease assets	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình Intangible fixed assets	227	V.9	4,960,808,457	4,816,577,079
- Nguyên giá Cost	228		9,571,398,356	9,125,837,378
- Giá trị hao mòn lũy kế Accumulated amortization	229		(4,610,589,899)	(4,309,260,299)
<b>III Bất động sản đầu tư Investment property</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn Long-term work in progress</b>	<b>240</b>		<b>7,066,218,363</b>	<b>20,793,677,278</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn Long-term work in progress (production/business)	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Construction in progress	242	V.10	7,066,218,363	20,793,677,278
<b>V Đầu tư tài chính dài hạn Long-term financial investments</b>	<b>250</b>		<b>2,754,000,000</b>	<b>2,754,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con Investment in subsidiaries	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết Investment in associates and joint ventures	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Other equity investments	253	V.11	2,754,000,000	2,754,000,000
<b>VI Tài sản dài hạn khác Other non-current assets</b>	<b>260</b>		<b>2,493,876,695</b>	<b>3,117,294,241</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn Long-term prepaid expenses	261	V.7b	2,434,927,525	2,565,095,656
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại Deferred income tax assets	262	V.12	58,949,170	552,198,585
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN TOTAL ASSETS</b>	<b>270</b>		<b>930,989,541,442</b>	<b>1,008,845,782,073</b>

CHỈ TIÊU ITEMS	Mã số Code	Thuyết minh Notes	Số cuối năm Closing balance	Số đầu năm Opening balance
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ LIABILITIES</b>	<b>300</b>		<b>135,816,562,232</b>	<b>205,091,135,638</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn Current liabilities</b>	<b>310</b>		<b>117,816,562,232</b>	<b>187,091,135,638</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn Short-term trade payables	311	V.13	28,266,279,261	25,860,944,547
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn Short-term advances from customers	312	V.14	9,894,486,837	8,949,674,803
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Taxes and other payables to the State	313	V.15	360,518,315	344,240,385
4. Phải trả người lao động Payables to employees	314	V.16	3,652,698,725	3,464,701,523
5. Chi phí phải trả ngắn hạn Short-term accrued expenses	315	V.17	795,792,882	943,856,399
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn Short-term intercompany payables	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng Construction contract payables	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn Construction contract payables	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác Other short-term payables	319	V.18a	2,784,112,768	4,960,389,346
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn Short-term borrowings and finance lease liabilities	320	V.19	72,062,673,444	142,567,328,635
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn Short-term provisions	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi Bonus and welfare fund	322		-	-
<b>II. Nợ dài hạn Non-current liabilities</b>	<b>330</b>		<b>18,000,000,000</b>	<b>18,000,000,000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn Long-term trade payables	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn Long-term advances from customers	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn Long-term accrued expenses	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh Intercompany payables related to business capital	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn Long-term intercompany payables	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn Long-term unearned revenue	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác Other long-term payables	337	V.18b	18,000,000,000	18,000,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn Long-term borrowings and finance lease liabilities	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi Convertible bonds	339		-	-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025/ For the financial year ended 31 December 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)/ Balance Sheet (continued)

CHỈ TIÊU ITEMS	Mã số Code	Thuyết minh Notes	Số cuối năm	Số đầu năm
			Closing balance	Opening balance
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> <b>EQUITY</b>	<b>400</b>		<b>795,172,979,210</b>	<b>803,754,646,435</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>				
<b>I. Equity attributable to owners of the Company</b>	<b>410</b>		<b>795,172,979,210</b>	<b>803,754,646,435</b>
1. Contributed capital	411	V.20	140,000,000,000	140,000,000,000
- Ordinary shares with voting rights	411a		140,000,000,000	140,000,000,000
- Preference shares	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần Share premium	412	V.20	210,885,368,500	210,885,368,500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu Convertible bond options	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu Other equity	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ Treasury shares	415	V.20	(10,036,370,000)	(10,036,370,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản Revaluation surplus	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái Foreign exchange differences	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển Investment and development fund	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Enterprise restructuring support fund	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu Other funds under equity	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Retained earnings	421	V.20	454,323,980,710	462,905,647,935
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lấy kể đến cuối kỳ trước Accumulated retained earnings brought forward	421a		456,020,647,935	462,905,647,935
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này Retained earnings for the current period	421b		(1,696,667,225)	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b> <b>Other funds and sources</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí Funds	431		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>TOTAL LIABILITIES AND EQUITY</b>	<b>440</b>		<b>930,989,541,442</b>	<b>1,008,845,782,073</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**STATEMENT OF PROFIT OR LOSS**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 / For the year ended 31 December 2025

Đơn vị tính/Currency: VND

	CHỈ TIÊU ITEMS	Thuyết minh		Năm nay Current year	Năm trước Prior year
		Mã số Code	Notes		
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Revenue from sales and services</i>	01	VL1	302,535,922,736	348,984,734,523
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu <i>Sales deductions</i>	02	VL2	48,579,568,339	51,209,708,102
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Net revenue from sales and services</i>	10		253,956,354,397	297,775,026,421
4.	Giá vốn hàng bán <i>Cost of goods sold</i>	11	VL3	193,052,379,338	237,101,048,130
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Gross profit</i>	20		60,903,975,059	60,673,978,291
6.	Doanh thu hoạt động tài chính <i>Financial income</i>	21	VL4	402,820,588	88,895,191
7.	Chi phí tài chính <i>Financial expenses</i>	22	VL5	6,462,730,709	7,718,369,769
	Trong đó: chi phí lãi vay <i>of which: Interest expense</i>	23		6,044,294,786	7,446,849,188
8.	Chi phí bán hàng <i>Selling expenses</i>	25	VL6	19,280,744,508	23,152,598,869
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp <i>General and administrative expenses</i>	26	VL7	35,311,884,336	26,150,368,203
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh <i>Operating profit</i>	30		251,436,094	3,741,536,641
11.	Thu nhập khác <i>Other income</i>	31	VL8	860,714,012	434,842,379
12.	Chi phí khác <i>Other expenses</i>	32	VL9	1,171,826,434	33,327,309
13.	Lợi nhuận khác <i>Other profit</i>	40		(311,112,422)	401,515,070
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế <i>Accounting profit before tax</i>	50		(59,676,328)	4,143,051,711
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành <i>Current corporate income tax expense</i>	51	V.15	1,143,741,482	54,748,835
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại <i>Deferred corporate income tax expense</i>	52	V.12	493,249,415	(529,902,242)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp <i>Profit after corporate income tax</i>	60		(1,696,667,225)	4,618,205,118
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu <i>Basic earnings per share</i>	70	VL10	(123)	335
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu <i>Diluted earnings per share</i>	71	VL10	(123)	335

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**STATEMENT OF CASH FLOWS**

(Theo phương pháp gián tiếp/*Indirect method*)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025/*For the year ended 31 December 2025*

Đơn vị tính/*Currency*: VND

CHỈ TIÊU <i>ITEMS</i>	Mã số <i>Code</i>	Thuyết minh <i>Notes</i>	Năm nay <i>Current year</i>	Năm trước <i>Prior year</i>
<b>1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b> <i>Cash flows from operating activities</i>				
1. Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	01		(59,676,328)	4,143,051,711
2. Điều chỉnh cho các khoản <i>Adjustments for</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư <i>Depreciation of fixed assets and investment property</i>	02	V.8, 9	22,035,804,692	16,697,817,150
- Các khoản dự phòng <i>Provisions</i>	03	V.5, 6	21,134,472,143	10,616,126,569
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ <i>Foreign exchange differences arising from revaluation of monetary items denominated in foreign currencies</i>	04	VI.5	344,445,484	237,953,224
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư <i>Gains/(losses) from investing activities</i>	05	VI.7, VI.8	2,809,402	(409,090,909)
- Chi phí lãi vay <i>Interest expense</i>	06	VI.5	6,044,294,786	7,446,849,188
- Các khoản điều chỉnh khác <i>Other adjustments</i>	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b> <i>Operating profit before changes in working capital</i>	08		<b>49,502,150,179</b>	<b>38,732,706,933</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu <i>Increase/(decrease) in receivables</i>	09		30,218,929,380	22,067,538,390
- Tăng, giảm hàng tồn kho <i>Increase/(decrease) in inventories</i>	10		(10,761,289,722)	5,411,667,531
- Tăng, giảm các khoản phải trả <i>Increase/(decrease) in payables</i>	11		185,620,774	3,288,827,626
- Tăng, giảm chi phí trả trước <i>Increase/(decrease) in prepaid expenses</i>	12		136,552,124	(1,164,768,972)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh <i>Increase/(decrease) in trading securities</i>	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả <i>Interest paid</i>	14	V.17, VI.5	(6,086,169,219)	(7,379,184,701)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp <i>Corporate income tax paid</i>	15	V.15	(1,193,223,180)	(2,487,705,854)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh <i>Other cash inflows from operating activities</i>	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh <i>Other cash outflows for operating activities</i>	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <i>Net cash flows from operating activities</i>	20		<b>62,002,570,336</b>	<b>58,469,080,953</b>



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025/ For the year ended 31 December 2025

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ/Statement of Cash Flows** (tiếp theo/continued)

	CHỈ TIÊU ITEMS	Mã số Code	Thuyết minh Notes	Năm nay Current year	Năm trước Prior year
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b> <i>Cash flows from financing activities</i>				
	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu				
1.	<i>Proceeds from issuance of shares and capital contributions from owners</i>	31		-	-
	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành				
2.	<i>Payments for return of capital to owners and repurchase of issued shares</i>	32		-	-
	Tiền thu từ đi vay				
3.	<i>Proceeds from borrowings</i>	33	V.19	157,011,658,159	236,150,383,765
	Tiền trả nợ gốc vay				
4.	<i>Repayment of borrowings (principal)</i>	34	V.19	(227,516,313,350)	(254,829,872,077)
	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính				
5.	<i>Repayment of finance lease liabilities (principal)</i>	35		-	-
	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu				
6.	<i>Dividends and profits paid to owners</i>	36	V.18a, 20	(6,906,250,000)	(6,848,750,000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b> <i>Net cash flows from financing activities</i>			<b>(77,410,905,191)</b>	<b>(25,528,238,312)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> <i>Net increase/(decrease) in cash and cash equivalents</i>			<b>(27,370,233,298)</b>	<b>29,892,590,552</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b> <i>Cash and cash equivalents at beginning of year</i>			<b>30,070,353,257</b>	<b>177,774,751</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ				
	<i>Effect of exchange rate changes</i>			4,503,706	(12,016)
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b> <i>Cash and cash equivalents at end of year</i>			<b>2,704,623,665</b>	<b>30,070,353,257</b>

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## *Notes to the Financial Statements*

(xem chi tiết báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán đăng tại / For details, please refer to the audited financial statements for the year 2025 published at <https://spm.com.vn/bao-cao-ke-tua-kinh-doanh-va-giai-trinh-ke-tua-kinh-doanh-2025>)

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**  
**CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**

Tổng Giám Đốc / *Chief Executive Officer*



Nguyễn Thế Quyền

